CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN NGHÈO CỦA HỘ Ở VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

• Trần Công Kha(*)

Tóm tắt

Nhằm đóng góp cho các đề án quy hoạch các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020, nghiên cứu phân tích các yếu tố tác động đến nghèo của hộ ở vùng kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long. Dữ liệu nghiên cứu 624 hộ thuộc 4 tỉnh, thành là thành phố Cần Thơ, các tỉnh An Giang, Kiên Giang và Cà Mau lấy từ bộ dữ liệu khảo sát mức sống hộ gia đình Việt Nam năm 2014. Kết quả chỉ ra các yếu tố tác động mạnh đến nghèo của hộ ở vùng kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long gồm: thành phần dân tộc của chủ hộ, học vấn của chủ hộ, tình trạng việc làm của chủ hộ, diện tích đất sản xuất của hộ và khu vực sinh sống của hộ.

Từ khoá: Các yếu tố, Binary logistic, Đồng bằng sông Cửu Long, nghèo, kinh tế trọng điểm, VHLSS.

1. Đặt vấn đề

Vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là khu vực có vị trí chiến lược quan trọng về kinh tế, chính trị, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, đồng thời vùng có nhiều tiềm năng và điều kiện phát triển kinh tế (Nguyễn Thị Ánh, 2012) [1] nhưng lại là một trong những vùng có tỷ lệ hộ nghèo vẫn còn cao (7,9%), chỉ đứng sau khu vực Trung du miền núi phía Bắc (18,4%), khu vực Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung (11,8%) (GSO, 2016) [11]. Theo cơ quan Phát triển Quốc tế Australia (2004) nhận định rằng vùng ĐBSCL là nơi cần nhiều sự hỗ trợ hơn vì tỷ lệ nghèo cao và ít được thu hút tập trung các nhà tài trợ so với khu vực khác ở Việt Nam [2]. Bên cạnh đó, theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBSCL và đặc biệt vùng kinh tế trọng điểm ĐBSCL với tầm nhìn dài hạn đến năm 2030 đưa tỷ lệ nghèo xuống khoảng 1 đến 2% (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2014) [3] là vấn đề thách thức đặt ra đối với các nhà hoạch định chính sách hiện nay. Việc theo dõi đánh giá tình trạng nghèo vẫn còn là vấn đề quan trọng ở nhiều quốc gia và ở Việt Nam. Nhiều nghiên cứu trong nước đã chỉ ra thực trạng nghèo nhưng việc nghiên cứu lượng hoá các yếu tố tác động đến tình trạng nghèo vẫn còn là vấn đề bỏ ngỏ. Nghiên cứu này tập trung phân tích các yếu tố tác động đến nghèo ở vùng kinh tế trọng điểm ĐBSCL bằng mô hình kinh tế lượng và đề xuất các giải pháp giảm nghèo cho vùng phù hợp với xu thế hiện nay.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu lý thuyết

Khái niệm về nghèo được đưa ra từ rất lâu bởi những nhà Kinh tế học hiện đại như Adam Smith (1776), Sen (1999) cho rằng nghèo có những điểm chung như người nghèo không có khả năng mua những hàng hoá thiết yếu đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần của cuộc sống, hay khác hơn để tồn tại, con người cần có những nhu cầu vật chất và tinh thần tối thiểu, nếu dưới mức tối thiểu này, con người sẽ bị coi là đang sống trong nghèo nàn. Theo Ngân hàng thế giới (2000) đưa ra khái niệm đầy đủ hơn chỉ ra những người không có đủ thu nhập để đáp ứng các nhu cầu tối thiểu của con người về dịch vụ y tế, nhà cửa, quần áo và giáo dục theo tiêu chuẩn chung của cuộc sống được cho là nghèo. Tuy nhiên, các nghiên cứu thường tiếp cận khái niệm nghèo ở mức độ hộ gia đình thay vì ở mức độ cá nhân (Duncan, 1984) [4]. Những nhu cầu tối thiểu còn được chỉ ra cụ thể chẳng hạn như thu nhập kém, trình độ thấp, sức khoẻ kém, mất an ninh, thiếu tự tin hoặc không có quyền tự do ngôn luận thì cho là nghèo (Khandker, 2009) [7].

Về các yếu tố tác động đến nghèo đã được các công trình nghiên cứu như Madajewicz (1999), Lilongwe và Zomba (2001), Nicholas Minot, Bob Baulch và Michael Epprecht (2003), Geda A., et al. (2005), Nguyễn Trọng Hoài và cộng sự (2005), Khandker (2009) [5], [6], [7], [8], [9] đã chỉ ra các yếu tố tác động đến nghèo gồm nghề nghiệp, tình trạng việc làm, trình độ học vấn, giới tính chủ hộ, quy mô hộ, tỷ lệ người phụ thuộc, quy mô diện tích đất của hộ, quy mô vay vốn từ định chế chính thức,

(*) Trường Đại học An Giang.

khả năng tiếp cận cơ sở hạ tầng, số lao động di cư và khu vực sống của hộ. Thông qua cơ sở các lý thuyết và các nghiên cứu trước đó là tiền đề cho sự lựa chọn mô hình nghiên cứu của bài viết này.

2.2. Phương pháp phân tích số liệu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích thống kê mô tả các thành phần trong dữ liệu các tỉnh/thành và phân tích mức độ tác động của các yếu tố đến nghèo ở vùng kinh tế trọng điểm ĐBSCL. Bước thứ nhất, nghiên cứu thực hiện thống kê mô tả tỷ lệ nghèo trong vùng ở cấp độ hộ. Bước thứ hai, sử dụng phương pháp định lượng phân tích mô hình kinh tế lượng để chỉ ra các nhân tố tác động và mức độ tác động của từng nhân tố đến nghèo. Nghiên cứu sử dụng mô hình hồi quy Binary logistic để xác định các yếu tố tác động đến nghèo và đánh giá mức độ tác động của từng yếu tố ở vùng kinh tế trọng điểm ĐBSCL.

2.3. Dữ liệu

Đề tài sử dụng số liệu của cuộc điều tra khảo sát mức sống dân cư Việt Nam (VHLSS) năm 2014. VHLSS là tên viết tắt của Vietnam Household Living Standard Survey, phạm vi của cuộc khảo sát là các hộ gia đình và xã/phường lựa chọn trong 64 tỉnh thành trong cả nước với quy mô mẫu là 9.399 hộ điều tra về thu nhập và chi tiêu của 36.081 thành viên cá nhân. Đối tượng khảo sát gồm các hộ gia đình, thành viên các hộ gia đình và các xã/phường do Tổng cục Thống kê (GSO) tiến hành khảo sát định kỳ 2 năm một lần vào những năm chẵn nhằm theo dõi và giám sát một cách có hệ thống mức sống các tầng lớp dân cư Việt Nam; giám sát, đánh giá việc thực hiện Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo; góp phần đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ và các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam. Bộ dữ liệu VHLSS ngày càng thể hiện tầm quan trọng của nó trong nghiên cứu vì có số lượng câu hỏi lớn chia thành nhiều mục khác nhau tạo ra nhiều hướng kiểm tra lại các thông tin nhất quán trong nghiên cứu.

Trong nghiên cứu này, tác giả lọc lấy dữ liệu khảo sát hộ gia đình năm 2014 ở vùng kinh tế trọng điểm ĐBSCL để phân tích. Mẫu phân tích là 624 hộ đại diện cho vùng gồm thành phố Cần Thơ, các tỉnh An Giang, Kiên Giang và Cà Mau. Sau đó, tác giả tiến hành xử lý thành bộ dữ liệu phục vụ nghiên cứu và phân tích các yếu tố tác động đến nghèo của hộ ở vùng nghiên cứu.

2.4. Mô hình nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng mô hình hồi quy Binary logistic (nhị phân) phân tích các yếu tố tác động đến xác suất nghèo của hộ là:

$$Y = \beta_0 + \sum_{i=1}^{1} \beta_i X_i + u \quad (1)$$

Trong đó: Y là biến giả nếu nhận giá trị bằng 1 là hộ nghèo, nếu Y nhận giá trị bằng 0 là các hộ khác; X_i là các yếu tác động đến nghèo của hộ (i = 1 - n) và u là phần dư.

Trên cơ sở lý thuyết và mô hình ở phương trình (1), tác giả đề xuất hàm hồi quy Binary logistic về các yếu tố tác động đến nghèo của hộ được viết lại thành phương trình (2):

$$Y = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \beta_3 X_3 + ... + \beta_{10} X_{10} \quad (2)$$

Trong đó:

β_i (i = 0, 1, …, 10): là các hệ số hồi quy;

Y: biến phụ thuộc, là biến đại diện nghèo của hộ (nhận giá trị 1: hộ nghèo; 0: không nghèo); Cơ sở đưa ra cách xác định nghèo theo dữ liệu VHLSS 2014 của Tổng cục Thống kê ở Mục 8 trong bảng hỏi câu 1 (m8c1): "Ông/Bà cho biết chính quyền địa phương có xếp hộ vào diện hộ nghèo của xã/phường năm 2014 không?". Như vậy, trong nghiên cứu này, hộ nghèo được xác định với câu trả lời là "Có". Cách phân loại này sẽ được áp dụng phân tích chính thức trong nghiên cứu.

Các biến độc lập gồm: X_1 (biến giả dummy) thể hiện dân tộc chủ hộ (nhận giá trị 1: Kinh và 0: dân tộc khác), X_2 (biến giả dummy) cho biết giới tính chủ hộ (nhận giá trị 1: nữ và 0: nam), X_3 thể hiện tỷ lệ phụ thuộc của hộ (đơn vị %), X_4 là quy mô hộ (số người trong hộ), X_5 là học vấn hay số năm đi học của chủ hộ, X_6 (biến giả dummy) thể hiện tình trạng việc làm của chủ hộ (nhận giá trị 1: có và 0: không), X_7 thể hiện khoản vay vốn của hộ (đơn vị triệu đồng), X_8 (biến giả dummy) thể hiện chủ hộ có hoạt động trong lĩnh vực phi nông nghiệp (nhận giá trị 1: có và 0: không), X_9 diện tích đất sản xuất của hộ sở hữu (đơn vị 1000 m^2), X_{10} (biến giả dummy) thể hiện khu vực sinh sống của hộ (nhận giá trị 1: thành thị và 0: nông thôn).

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Kết quả mô tả thống kê

Theo Báo cáo tổng hợp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2014) thì vùng kinh tế trọng điểm ĐBSCL có nhiều lợi thế chủ yếu về vị trí địa lý kinh tế quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội và giao thương với các khu vực khác, có tiềm năng phát triển nông nghiệp quy mô lớn, thuỷ sản và công nghiệp chế biến nông thuỷ sản có xuất khẩu. Hơn nữa, ở vùng này đang có một số khoáng sản quan trọng mang tầm quốc gia và đặc biệt có tiềm năng phát triển du lịch đa dạng và phong phú [3]. Tuy nhiên, tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo ở vùng này vẫn còn khá cao, cụ thể là theo số liệu báo cáo tỷ lệ hộ nghèo của toàn vùng là 6,26%, tỷ lệ cận nghèo là 5,29% nếu áp dụng chuẩn nghèo cho giai đoạn 2011 - 2015 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

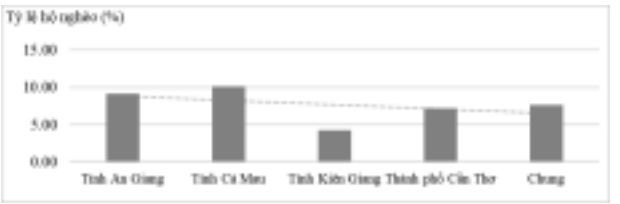

Nguồn: VHLSS 2014 và tính toán của tác giả.

Hình 1. Tỷ lệ hộ nghèo ở các tỉnh/thành trong vùng kinh tế trọng điểm ĐBSCL

Kết quả thống kê cho thấy tỷ lệ nghèo chung của vùng kinh tế trọng điểm ĐBSCL là 7,69% (Hình 1) gần bằng với tỷ nghèo của cả vùng ĐBSCL là 7,9% vào năm 2014 (Tổng cục Thống kê, 2016), tỷ lệ hộ nghèo vẫn còn sự chênh lệch nhiều giữa các tỉnh/thành trong vùng (Hình 1). Mặt khác, kết quả mô tả các yếu tố dẫn đến tỷ lệ hộ nghèo cao của vùng nghiên cứu (Bảng 1) là những hộ có chủ hộ thuộc các dân tộc thiểu số (tỷ lệ hộ nghèo là 15,09%) chênh lệch tỷ lệ nghèo gấp đôi giữa chủ hộ là dân tộc Kinh (tỷ lệ hộ nghèo 7,01%), hộ có tỷ lệ người phụ thuộc trong gia đình trên 25%, trình độ học vấn của chủ hộ dưới cấp tiểu học (13,23%), tình trạng chủ hộ không có việc làm (11,79%), hộ sở hữu diện tích đất sản xuất dưới 4.000 m^2 (11,78%) và những hộ sống ở nông thôn (9,7%). Các thành phần còn lại ở những yếu tố như giới tính chủ hộ, quy mô hộ, chủ hộ tham gia hoạt động phi nông nghiệp thể hiện tỷ lệ hộ nghèo ở mức trung bình trong khoảng 4% đến 9% và tỷ lệ hộ nghèo ít chênh lệch nhau (Bảng 1). Tuy nhiên, ở yếu tố quy mô hộ có những hộ có quy mô là 1 người lại chiếm tỷ lệ hộ nghèo cao (11,11%) nhưng điều này không thể cho rằng hộ có quy mô hộ ít người là có tỷ lệ hộ nghèo cao vì tỷ trọng thành phần chỉ chiếm tỷ lệ 3/48 hộ.

Bảng 1. Mô tả các yếu tố tác động đến nghèo của hộ vùng kinh tế trọng điểm ĐBSCL

Các yếu tố tác động	Số hộ	Tỷ trọng các thành phần (%)	Số hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo (%)
Dân tộc của chủ hộ				
Dân tộc khác	53	8,49	8	15,09
Kinh	571	91,51	40	7,01
Giới tính của chủ hộ				
Nam	465	74,52	34	7,31
Nữ	159	25,48	14	8,81
Tỷ lệ phụ thuộc của hộ				
Dưới 25%	435	69,71	27	6,21
25% đến 50%	155	24,84	14	9,03
Trên 50%	34	5,45	7	20,59
Quy mô hộ				
1	27	4,33	3	11,11
2	78	12,50	7	8,97
3	135	21,63	13	9,63
4	188	30,13	12	6,38

5+	196	31,41	13	6,63
Học vấn của chủ hộ				
Dưới tiểu học	257	41,19	34	13,23
Tiểu học	202	32,37	12	5,94
THCS	102	16,35	2	1,96
THPT	39	6,25	0	0,00
Cao đẳng	4	0,64	0	0,00
Đại học trở lên	20	3,21	0	0,00
Tình trạng việc làm của chủ hộ				
Không	212	33,97	25	11,79
Có	412	66,03	23	5,58
Chủ hộ hoạt động trong lĩnh vực phi nông nghiệp				
Không	382	61,22	36	9,42
Có	242	38,78	12	4,96
Diện tích đất sản xuất của hộ (m^2)				
Dưới 4.000	382	11,78	45	11,78
4.000 đến 8.000	62	3,23	2	3,23
Trên 8.000	180	0,56	1	0,56
Nông thôn	402	64,42	39	9,70
Thành thị	222	35,58	9	4,05
Chung	624	100	48	7,69

Nguồn: VHLSS 2014 và tính toán của tác giả.

Như vậy, những kết quả mô tả thống kê đã phần nào nói lên tình trạng nghèo của vùng nghiên cứu và đây là cơ sở cho việc phân tích mô hình nghiên cứu định lượng các yếu tố tác động đến nghèo để đưa ra kết quả rõ ràng hơn cho nghiên cứu này.

3.2. Kết quả phân tích mô hình kinh tế lượng

Bảng 2. Kết quả hồi quy Binary logistic các yếu tố tác động đến nghèo

Biến phụ thuộc: Hộ nghèo (Y = 1)					
Các yếu tố tác động đến nghèo	Hệ số hồi quy (β_k)	S.E.	Wald	Giá trị P (Sig.)	Hệ số tác động biên (e^{β}_k)
(X_1) Chủ hộ là người Kinh (1)	-0,879	0,505	3,024	0,082(*)	0,415
(X_2) Chủ hộ là nữ (2)	-0,536	0,434	1,520	0,218	0,585
(X_3) Tỷ lệ phụ thuộc	0,421	0,713	0,347	0,556	1,523
(X_4) Quy mô hộ	-0,016	0,129	0,016	0,899	0,984
(X_5) Số năm đi học của chủ hộ	-0,220	0,063	12,364	0,000(**)	0,802
(X_6) Chủ hộ có việc làm (3)	-0,786	0,433	3,298	0,069(*)	0,455
(X_7) Khoản vay của hộ	-0,004	0,013	0,114	0,736	0,996
(X_8) Chủ hộ hoạt động trong lĩnh vực phi nông nghiệp (4)	-0,600	0,394	2,327	0,127	0,549
(X_9) Diện tích đất sản xuất của hộ	-0,292	0,079	13,515	0,000(**)	0,747
(X_{10}) Hộ ở thành thị (5)	-1,021	0,421	5,890	0,015(**)	0,360

Hằng số		0,997	0,819	1,481	0,224	2,709
Số quan sát	= 624					
Sig. (Prob > Chi-square)	= 0,000					
-2 Log Likelihood	= 248,44					
R^2 hiệu chỉnh	= 0,321					

Nguồn: VHLSS 2014 và tính toán của tác giả.

Ghi chú: (*) có mức ý nghĩa 10%, (**) có mức ý nghĩa 5%; Các tham chiếu: (1) dân tộc thiểu số, (2) chủ hộ là nam, (3) không có việc làm, (4) không hoạt động phi nông nghiệp và (5) hộ ở nông thôn.

Kết quả phân tích hồi quy cho thấy mô hình phân tích là rất phù hợp. Với mức ý nghĩa thống kê 5% thì giá trị -2 Log likelihood bằng 248,440 là không cao nên mô hình lựa chọn là phù hợp. Trong nghiên cứu này, sự phù hợp của mô hình Binary logistic sử dụng giá trị -2LL (Log likelihood) thay vì R^2 hiệu chỉnh (Hoàng Trọng và Chu Mộng Ngọc, 2008) [10]. Bên cạnh đó, mức độ phù hợp của mô hình cũng được thể hiện qua kiểm định Omnibus có Sig. < 0,0001 với độ tin cậy 99% (Bảng 2). Do đó, các biến độc lập có quan hệ tương quan tuyến tính với biến phụ thuộc trong tổng thể và mô hình lựa chọn là phù hợp.

Về sự tác động của các yếu tố đến xác suất nghèo của hộ, kết quả chỉ ra với mức ý nghĩa thống kê 5% cho thấy yếu tố số năm đi học của chủ hộ và diện tích đất sản xuất của hộ tác động mạnh đến khả năng nghèo của hộ. Tuy nhiên, với mức ý nghĩa thống kê là 10% thì kết quả chỉ ra có 5 yếu tố tác động mạnh đến nghèo của hộ là số năm đi học của chủ hộ (hay học vấn của chủ hộ), diện tích đất sản xuất của hộ, thành phần dân tộc của chủ hộ, tình trạng việc làm của hộ, khu vực sinh sống của hộ (thành thị/nông thôn). Các yếu tố còn lại trong mô hình ít ảnh hưởng đến nghèo vì kết quả của các yếu tố này có Sig. > 0,1 (Bảng 2). Kết quả mô hình phân tích đã nói lên xu hướng các yếu tố tác động đến nghèo ở vùng kinh tế trọng điểm ĐBSCL trong thời điểm hiện tại.

Phương trình hồi quy được viết lại thành phương trình (3):

$$Y = 0{,}997 - 0{,}879 * dantoc - 0{,}220 * hocvan - 0{,}786 * vieclam - 0{,}292 * dtdat - 1{,}021 * khuvuc \quad (3)$$

Tuy nhiên, thông thường để mô tả chi tiết các yếu tố tác động đến xác suất nghèo, kết quả được thiết kế thành bảng mô phỏng dự báo xác suất nghèo. Bảng 3 cho thấy, trong điều kiện các yếu tố khác không đổi nếu một yếu tố thay đổi 1 đơn vị thì xác suất rơi vào nghèo của hộ tăng (dấu +) hoặc giảm (dấu -) ở các mức % với xác suất ban đầu là 10%, 20%, 30%… Công thức được thiết lập bằng cách đặt P_0: xác suất ban đầu; P_1: xác suất thay đổi. Khi đó, P_1 được tính lần lượt với xác suất giả định ban đầu là 10%, 20%, 30% và 40% có công thức (4):

$$P_1 = \frac{P_0 x e^{\beta}}{1 - P_0 (1 - e^{\beta})} \quad (4)$$

Kết quả tính toán theo công thức trên ta được Bảng 3:

Bảng 3. Mô phỏng xác suất nghèo của vùng kinh tế trọng điểm ĐBSCL

Các yếu tố tác động	Hệ số tác động biên (e^{β}_k)	Mô phỏng xác suất nghèo khi yếu tố thay đổi so với xác suất ban đầu P_0 (%)			
		10	20	30	40
Chủ hộ là người Kinh	0,415	4,4	9,4	15,1	21,7
Số năm đi học của chủ hộ	0,802	8,2	16,7	25,6	34,8
Chủ hộ có việc làm	0,455	4,8	10,2	16,3	23,3
Diện tích đất sản xuất của hộ	0,747	7,7	15,7	24,3	33,2
Hộ ở thành thị	0,360	3,8	8,3	13,4	19,4

Nguồn: VHLSS 2014 và tính toán của tác giả.

4. Kết luận và gợi ý chính sách

Qua kết quả nghiên cứu có thể thấy các yếu tố tác động đến nghèo ở vùng kinh tế trọng điểm ĐBSCL với tầm quan trọng lần lượt của các yếu tố là: (1) học vấn của chủ hộ, (2) diện tích đất sản xuất của hộ, (3) tình trạng việc làm của hộ, (4) thành phần dân tộc của chủ hộ và (5) khu vực sinh sống của chủ hộ. Dựa vào các kết quả là cơ sở để gợi ý chính sách giảm nghèo đối với vùng nghiên cứu. Những đặc điểm này, cho thấy để giảm nghèo cần hoạch định các chính sách tập trung vào các vấn đề sau:

Thứ nhất, tiếp tục tăng cường đầu tư cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hoá để nâng cao trình độ dân trí. Tạo nhiều chính sách hỗ trợ cho học sinh, sinh viên nghèo có cơ hội học tập, tiếp cận nền giáo dục hiện đại, đồng thời tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho sinh viên tốt nghiệp ra trường về phục vụ cho quê hương, đất nước. Tăng cường xây dựng cơ chế khuyến khích các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước tham vấn giải quyết các vấn kinh tế, xã hội ở địa phương.

Thứ hai, tạo nhiều cơ hội việc làm cho người dân bằng cách mở rộng các mô hình dạy nghề với nhiều hình thức khác nhau, đề xuất các chính sách mới đào tạo nghề cho người lao động với xu hướng chuyển đổi nhiều hơn các ngành nghề trong lĩnh vực phi nông nghiệp. Xây dựng cơ chế khuyến khích phát triển các cơ sở dạy nghề và dạy nghề chất lượng cao phục vụ nhu cầu xã hội. Bên cạnh đó, cần thực hiện nhiều chính sách hỗ trợ nâng cao trình độ tay nghề, kỹ năng, kiến thức cho các hoạt động sản xuất nông nghiệp, hỗ trợ cung cấp thông tin thị trường môi trường thuận lợi phát triển kinh doanh cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất.

Thứ ba, kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ nghèo cao nhất là tập trung ở người dân tộc thiểu số, vì thế để giúp các đồng bào dân tộc thiểu số tăng cường sự tham gia và hưởng lợi trong tiến trình phát triển đất nước cần xây dựng các chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt là người Khmer. Tạo điều kiện cho các thành phần dân tộc sinh sống hoà nhập không phân biệt đối xử giữa các dân tộc. Khuyến khích phát triển các ngành nghề truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số, đào tạo nghề, hỗ trợ việc làm và nâng cao trình độ dân trí. Đồng thời chú trọng đầu tư cho trẻ em của đồng bào dân tộc thiểu số, trợ giúp nhiều dịch vụ y tế chăm sóc sức khoẻ trẻ em, hỗ trợ giáo dục trẻ em nghèo là những cơ hội để giúp người dân tộc thiểu số thoát khỏi tình trạng nghèo di truyền từ thế hệ trước. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền đến đồng bào dân tộc dần thay đổi văn hoá, lối sống phù hợp với sự phát triển cộng đồng.

Thứ tư, cải thiện năng suất nông nghiệp và hiệu quả sử dụng đất sản xuất cũng như các nguồn lực cho sản xuất nông nghiệp cũng là một trong các giải pháp quan trọng để giảm nghèo đối với vùng ĐBSCL nói chung và vùng kinh tế trọng điểm nói riêng. Vấn đề trước tiên là cải tạo diện tích đất sản xuất nông nghiệp, ứng dụng công nghệ, kỹ thuật hiện đại vào sản xuất để tăng năng suất nông sản của ngành nông nghiệp. Giải quyết dứt điểm vấn đề tranh chấp ruộng đất, tập trung xây dựng và phát triển các mô hình tập trung ruộng đất như hợp tác xã, mô hình cánh đồng mẫu lớn… để nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống. Ở các địa phương, tỉnh còn khó khăn cần đề xuất nhiều chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân tài về công tác và làm việc tại các địa phương, khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa để tạo sự cộng hưởng, cơ hội phát triển cho vùng.

Thứ năm, thực hiện liên kết vùng giữa các tỉnh thành với vùng lân cận Đông Nam Bộ và thành phố Hồ Chí Minh nhằm mở rộng hợp tác phát triển các ngành công nghiệp, phát triển thị trường hàng hoá, tạo thương hiệu cho các sản phẩm nông sản, nâng cao chất lượng đào tạo, y tế, tạo điều kiện phát triển các ngành dịch vụ, du lịch, chuyển giao công nghệ và cung cấp lao động chất lượng cao. Qua đó, giúp nâng cao thu nhập, mức sống người dân ngày càng được nâng cao và giải quyết được vấn đề giảm nghèo./.

Tài liệu tham khảo

[1]. Nguyễn Thị Ánh (2012), *Thực trạng và giải pháp xóa đói giảm nghèo đối với đồng bào dân tộc Khmer ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long*, Đề tài trọng điểm, Học viện Chính trị - Hành chính khu vực IV.

[2]. AusAID (2004), *Mekong Delta Poverty Analysis,* AusAID Final Report, http://www.ausaid.gov.au/publications/pdf/mekong_poverty_report_04.pdf.

[3]. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2014), *Quy hoạch tổng thể phát triển Kinh tế - xã hội vùng Kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030*, Báo cáo tổng hợp, Hà Nội, tháng 3 năm 2014.

[4]. Duncan, G. J., et al. (1984), "Years of poverty, years of plenty: The changing economic fortunes of American workers and families", *Survey Research Center, Institute for Social Research, University of Michigan.*

[5]. Geda, Alemayehu, De Jong, Niek Kimenyi, Mwangi S. and Mwabu, Germano (2005), "Determinants of Poverty in Kenya: A Household Level Analysis", *Economics Working Papers*, p. 2005-44, http://digitalcommons.uconn.edu/econ_wpapers/200544.

[6]. Nguyễn Trọng Hoài, Võ Tất Thắng, Lương Vinh Quốc Duy (2005), *Nghiên cứu ứng dụng các mô hình kinh tế lượng trong phân tích các nhân tố tác động nghèo đói và đề xuất giải pháp xoá đói giảm nghèo ở các tỉnh Đông Nam Bộ*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

[7]. Khandker, S. R. (2009), "Welfare impacts of Rural Electricfication, An Evidence from Viet Nam", *Policy Research Working Paper,* series 01/2009, World Bank.

[8]. Lilongwe and Zomba (2001), "The Determinants Of Poverty In Malawi, 1998", *The National Economic Council, The National Statistical Office, Zomba, Malawi and The International Food Policy Research Institute,* Washington, DC, USA.

[9]. Nicholas Minot, Bob Baulch, Michael Epprecht và nhóm tác chiến bản đồ đói nghèo liên Bộ (2003), *Đói nghèo và bất bình đẳng ở Việt Nam: Các yếu tố về địa lý và không gian*, Viện Nghiên cứu Chính sách lương thực Quốc tế và Viện nghiên cứu Phát triển, Hà Nội.

[10]. Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, tập 2, NXB Hồng Đức, Hồ Chí Minh.

[11]. Tổng cục Thống kê (GSO, 13/9/2016), "Tỷ lệ hộ nghèo phân theo thành thị, nông thôn và phân theo vùng", http://www.gso.gov.vn/SLTK/Selection.aspx?rxid=14477aa5-0661-4ac1-95c9-f7b5b81e5f6c&px_db=11.+Y+t%E1%BA%BF%2c+v%C4%83n+h%C3%B3a+v%C3%A0+%C4%91%E1%BB%9Di+s%E1%BB%91ng&px_type=PX&px_language=vi&px_tableid=11.+Y+t%E1%BA%BF%2c+v%C4%83n+h%C3%B3a+v%C3%A0+%C4%91%E1%BB%9Di+s%E1%BB%91ng%5cV11.34.px.

THE FACTORS AFFECTING HOUSEHOLD POVERTY IN MAJOR ECONOMIC AREAS OF THE MEKONG DELTA

Summary

For the projects of planning the socio-economic development targets up to 2020, this paper analyzes factors affecting household poverty in the Mekong Delta major economic areas. The data from 624 households in 4 provinces and cities, namely Can Tho City, An Giang, Kien Giang and Ca Mau provinces, were obtained from the Vietnam Household Living Standards Survey 2014. The results reveal the factors strongly affecting the household poverty in the Mekong Delta major economic areas are: householders' ethnic, householders'education householders' employment status, size of household productive land and their living area.

Keywords: Factors, Binary logistic, Mekong Delta, poverty, major economic area, VHLSS.

Ngày nhận bài: 28/11/2017; Ngày nhận lại: 24/12/2017; Ngày duyệt đăng: 10/4/2018.